

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số : 45/2022/HSST
Ngày 08 tháng 11 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Hữu Phúc;
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngân, Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Phục, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp (điểm cầu trung tâm) và Nhà tạm giữ Công an huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp (điểm cầu thành phần) xét xử phiên tòa trực tuyến sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2022/TLST-HS ngày 03/10/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-HS ngày 27/10/2022, đối với bị cáo:

Lê Thành B, sinh ngày 05/12/2002 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang, hiện nay là: khóm V, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Thuý A, sinh năm 1984; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; Bị bắt tạm giữ ngày 25/7/2022 (bắt truy nã), tạm giam ngày 28/7/2022, có mặt tại nhà tạm giữ Công an huyện (điểm cầu thành phần).

- Bị hại:

1/ Trần Văn C, sinh năm: 1971, địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

2/ Phạm Ngọc T, sinh năm: 1982, địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

3/ Trần Văn M, sinh năm: 1969, địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Trần Thị Cẩm D, sinh ngày: 25/01/2000, địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

2/ Phạm Long H, sinh năm: 1990, địa chỉ: Ấp N, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

3/ Lê Văn T, sinh năm: 1989, địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

4/ Nguyễn Thanh D, sinh năm 1975, địa chỉ: ấp N, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

5/ Nguyễn Quang V, sinh năm: 1984, địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

6/ Đỗ Tấn L, sinh ngày: 03/3/2005. Người giám hộ: Đỗ Thị Bích L, sinh năm: 1979, địa chỉ: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

7/ Lương Văn H, sinh năm 2000, địa chỉ: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

8/ Lê Văn H, sinh năm 2002, địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Nguyễn Hoàng T, cán bộ nhà tạm giữ Công an huyện hỗ trợ phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ Công an huyện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 03 giờ 45 phút ngày 17/01/2021, Công an xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp kiểm tra hành chính nhà bà Nguyễn Thị T (đã chết, nhà bỏ hoang, bà T là bà ngoại của Đường Ngọc T) phát hiện bị cáo Lương Văn H1, bị cáo Lê Văn H2 và Đỗ Tấn L (sinh ngày 03/3/2005), Lê Thành B đang dùng dụng cụ sửa xe tháo xe mô tô biển kiểm soát 66P1-613.33 và xe mô tô biển kiểm soát 66GA-026.85. Qua kiểm tra, cơ quan công an nghi vấn 02 xe mô tô trên do trộm mà có nên mời về trụ sở làm việc và thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản như sau:

- Vụ thứ nhất: Vào khoảng 23 giờ, cách ngày bị bắt (ngày 17/01/2021) khoảng 20 ngày, bị cáo Lương Văn H1, bị cáo Lê Văn H2 và Lê Thành B, Đỗ Tấn L đang ở nhà của bà ngoại Đường Ngọc T tại Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Tại đây, L rủ bị cáo H1 đi trộm xe mô tô, bị cáo H1 đồng ý. B và bị cáo H2 không tham gia nhưng biết L và bị cáo H1 đi trộm xe mô tô. L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 66HA-021.27 chở bị cáo H1 hướng vô bờ Kênh 2/9 (thuộc địa bàn ấp A) được khoảng 1,5km thì nhìn thấy xe gắn máy biển kiểm soát 66GA-026.85 của ông Trần Văn C đang dựng cặp mé đường bên phải không có người trông giữ. L dừng xe lại, bị cáo H1 đi xuống lấy xe gắn máy của ông C rồi cùng L chạy về nhà ngoại T thì gặp B và bị cáo H2. Cả hai xem xe rồi nói xe tàng như vậy mà hai thằng bây cũng lấy. L và bị cáo H1 lấy chìa khóa gỡ biển kiểm soát xe ném xuống

kênh sau nhà nên cơ quan điều tra không thu hồi được. Đến sáng ngày hôm sau L điều khiển xe mô tô chở B và bị cáo H1 lên nhà L chơi, còn bị cáo H2 ở lại nhà ngoại T. Đến 09 giờ, bị cáo H2 lấy xe gắn máy của L và bị cáo H1 trộm được tối hôm qua chạy đi ra chợ mua thức ăn rồi trở về nhà ngoại T. Đến 14 giờ, L, B và bị cáo H1 trở về nhà ngoại T rồi cùng bị cáo H2 lấy xe gắn máy mới trộm được sử dụng chung.

Qua hai ngày sau, xe mới trộm được không hoạt động được nên L, B và bị cáo H1 lấy dụng cụ sửa xe tháo lốc máy và sườn xe ra để dưới sân nhà ngoại T rồi bỏ đi lên nhà L chơi. Bị cáo H2 ở lại và cùng T lấy lốc máy và sườn xe mang qua vừa phế liệu bán cho ông Nguyễn Quang V được 400.000đ rồi mua thức ăn và ma túy của M (không rõ họ, năm sinh và địa chỉ) sử dụng hết.

- Vụ thứ hai: Vào khoảng 23 giờ ngày 13/01/2021, B, T (không rõ họ, năm sinh, địa chỉ) và bị cáo H1, bị cáo H2 cùng nhau ở nhà L chơi. Sau đó, cả nhóm rủ xuống nhà ngoại T. Khi đi bị cáo H1 chở bị cáo H2 bằng xe Wave, màu xanh (không rõ biển kiểm soát, xe của H ở xã A), B chở T bằng xe Dream màu xanh (xe của T không rõ biển kiểm soát), chạy trên Quốc lộ 30 hướng từ thành phố H đến xã A. Khi đến địa bàn ấp P, xã A, B, T nhìn thấy xe mô tô biển kiểm soát 66P1-0385 của ông Phạm Ngọc T đậu trước cửa nhà bên phải theo hướng đi không có người trông giữ, cả hai xe dừng lại Thái kêu bị cáo H1, bị cáo H2 cảnh giới còn T đi vào lấy xe mô tô của ông T rồi cả nhóm chạy xe về nhà ngoại T. Tại đây, T mở biển kiểm soát xe của ông T rồi lấy biển kiểm soát số 66GA-026.85 (xe của ông C) thay vào sử dụng đến khi L, B và bị cáo H1, bị cáo H2 bị bắt.

- Vụ thứ ba: Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 15/01/2021, B, L và bị cáo H đang ở nhà L chơi. Tại đây, L rủ B và bị cáo H1 đi trộm xe mô tô thì cả hai đồng ý. B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 66P1-613.33 chở L ngồi giữa, bị cáo H1 ngồi sau vào đường đal hướng đi từ thành phố H đến xã A. Khi đến nhà nuôi chim Yến thuộc ấp N, xã A thì cả ba nhìn thấy xe mô tô đang đậu trong hàng rào. L kêu B dừng xe lại, L và bị cáo H1 xuống xe thấy cửa hàng rào không khóa nên cả hai đi vô thấy có 03 xe mô tô đang dựng, L dùng cây đoản dẽp và chìa khóa 8 bẻ khóa lấy một xe mô tô biển kiểm soát 65S1-2354 của ông Trần Văn M dẫn ra đường đưa cho B chạy về nhà ngoại T, còn bị cáo H chở L chạy theo phía sau.

Đến 17 giờ ngày 16/01/2021, L, B và bị cáo H1, bị cáo H2 ngồi ở nhà sàn ngoại T, L nói “xe này bán đồ mũ nghe” B và bị cáo H1, bị cáo H2 nói “Ừ”. Nói xong L dùng búa đập thân xe và lốc máy gãy, bể thành nhiều mảnh, đập xong B dẫn xe qua vừa phế liệu của ông Nguyễn Quang V bán được 400.000đ rồi mua thức ăn, nước uống và ma túy của M (không rõ họ, năm sinh và địa chỉ) cùng nhau sử dụng hết.

- Vụ thứ tư: Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 16/01/2021, L và bị cáo H1 đang ở nhà của L chơi, L rủ bị cáo H1 đi trộm xe mô tô và bị cáo H1 đồng ý. Bị cáo H1 lấy xe mô tô trộm của ông T ngày 13/01/2021 chở L đi hướng lên thành phố H. Khi đến gần Quảng trường thành phố H, cả hai nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu xanh (chưa rõ biển kiểm soát) đậu cặp lề đường không người trông giữ. Bị cáo H1 dừng xe lại, L đi xuống lấy xe nổ máy chạy về nhà ngoại T.

Trên đường đi L mở cốp xe lấy chìa khóa mở biển kiểm soát ném xuống sông rồi lấy biển kiểm soát xe đi trộm 66P1-613.33 thay vào. Khi đến nhà ngoại T, L kêu B và bị cáo H1 xuống sân nhà xem xe mới trộm được, lúc này L lấy dụng cụ tháo mặt nạ xe thì Công an xã A đến kiểm tra phát hiện bắt giữ.

Đối với vụ trộm thứ tư, cơ quan điều tra Công an huyện Tam Nông đã có Công văn số: 23 ngày 22/3/2021 gửi đến Công an thành phố H để xử lý theo quy định pháp luật, hiện nay Công an thành phố H chưa có văn bản trả lời về việc xử lý. Xét thấy, vụ án thuộc thẩm quyền xử lý của Công an thành phố H nên không xử lý trong vụ án xảy ra ở huyện Tam Nông.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô không biển kiểm soát, số khung HEPD7A014670, lốc máy số: OFMH7A014670, xe bị đập gãy, vỡ nhiều mảnh và không thu hồi được biển kiểm soát (xe của ông Trần Văn M, biển kiểm soát 65S-2354); 01 xe gắn máy biển kiểm soát 66GA-026.85, nhãn hiệu DAEHANNOVA (WAVE), màu sơn đỏ, số khung 0010411, số máy 010411 (xe của ông Phạm Ngọc T biển kiểm soát 66P1-0385); 01 xe mô tô biển kiểm soát 66P1-613.33, nhãn hiệu WAVE (Loncin), màu xanh, số máy LC150FMG0264318, số khung VTMPGCG 00121003913, chủ sở hữu xe tên Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1998, ngụ tại: Ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (xe này L và bị cáo H trộm ở Quảng trường thành phố H, hiện chưa tìm được bị hại); 01 khung (sườn) xe số: RL8DCB6UME1002509, nhãn hiệu LIFAN (SWM), màu xanh-trắng (xe này của ông Trần Văn C biển kiểm soát 66GA-026.85); 02 cây đoản bằng kim loại, màu nâu, một đầu dẹp, một đầu lục giác; 01 chìa khóa số 8 (dùng gắn vào đầu đoản); 01 mặt nạ phía trước xe màu xanh; 01 cây kiếm bằng kim loại, màu đỏ; 01 cây vít bake, màu đỏ; 01 bình nhựa màu trắng, nắp màu đỏ, trên nắp có gắn một ống thủy tinh và một ống hút lò xo sọc trắng – cam (dùng để sử dụng ma túy).

Theo kết luận định giá: xe mô tô biển kiểm soát 65S1-2354 đã qua sử dụng, giá trị 3.000.000đ; xe mô tô biển kiểm soát 66S1-0385 đã qua sử dụng, giá trị 2.500.000đ; Một xe gắn máy biển kiểm soát 66GA-026.85 đã qua sử dụng, giá trị 3.600.000đ.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả định giá và thu giữ tài sản nêu trên.

Lê Thành B trong thời gian điều tra đã bỏ trốn, đến ngày 25/7/2022 bị bắt theo Quyết định truy nã.

- Bản cáo trạng số: 45/CT-VKS-TN ngày 03/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp truy tố Lê Thành B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thành B: 01 năm – 01 năm 6 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Tòa án nhân dân huyện Tam Nông đã xử lý xong tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2021/HSST ngày 29/6/2021.

+ Đối với Đỗ Tấn L từ khoảng tháng 12/2020 đến ngày bị bắt 17/01/2021, Lộc tham gia cùng với H1, H2 và Bắc trộm 03 xe mô tô (vụ thứ 1, 3, 4), nhưng khi

phạm tội, L sinh ngày 03/3/2005 (15 tuổi 09 tháng 28 ngày) là chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nên cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự.

+ Đối với Đường Ngọc T tham gia tiêu thụ xe mô tô biển số 66GA-026.85 (vụ thứ 01) do Lộc và Hiếu trộm tài sản của bị hại Trần Văn C. Hiện T không có mặt ở địa phương, cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xem xét xử lý sau.

+ Đối với M (không rõ họ, năm sinh và địa chỉ) là người bán ma túy cho những người trên và T (không rõ họ, năm sinh và địa chỉ) trộm xe mô tô (vụ thứ 02) chung với B, H1 và H2. Hiện cơ quan điều tra chưa tìm được, khi nào tìm được sẽ xem xét xử lý sau.

+ Đối với Nguyễn Quang V mua khung xe và lóc máy của H1, T, B, H2, L. V không biết đây là tài sản do trộm, tự nguyện giao nộp và không yêu cầu trả lại tiền; còn lóc máy V đã bán cho dựa phế liệu trên thành phố Hồ Chí Minh, nên cơ quan điều tra không thu giữ được. Xét thấy hành vi của Vinh không vi phạm pháp luật nên cơ quan điều tra không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự.

+ Đối với hành vi của Lê Văn H1 và Lương Văn H2, Tòa án đã xét xử xong.

- Lời nói sau cùng của bị cáo, thống nhất tội danh và hình phạt theo Viện kiểm sát đã truy tố, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tam Nông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Bắc thừa nhận toàn bộ hành vi đúng như Bản cáo trạng đã truy tố và thống nhất tội danh mà Kiểm sát viên đề nghị. Bị cáo B thừa nhận vì muốn có tiền tiêu sài mà bị cáo đã cùng với H1, H2, T, L 02 lần lấy trộm xe mô tô (vụ thứ 02 và 3 theo Cáo trạng), ngoài ra tuy không trực tiếp tham gia lấy trộm xe mô tô cùng L, H1 nhưng biết và cùng tham gia tháo phụ tùng xe để bán, nên là đồng phạm cùng L, H1 (vụ thứ 01 theo Cáo trạng). Xét thấy sự thừa nhận này của bị cáo là hoàn toàn phù hợp sự thật khách quan của vụ án và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, với hình thức đồng phạm giản đơn theo khoản 1 Điều 17 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo mang tính nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, nên cần thiết phải xử lý để có tác dụng giáo dục, phòng ngừa và răn đe tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng: bị cáo thực hiện nhiều lần phạm tội, nên cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự để xem xét xử lý tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Về hình phạt bổ sung, khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là lao động tự do, điều kiện kinh tế khó khăn, không có tài sản. Nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xét tính chất, mức độ, hậu quả và ý thức phạm tội của bị cáo, nghĩ cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: đã giải quyết xong tại Bản án số: 24/2021/HS-ST ngày 29/6/2021 và tại phiên tòa người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp Lương Văn H1 và Lê Văn H2 đã bồi thường thì sau này nếu có yêu cầu Lê Thành B hoàn trả số tiền đã bồi thường thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về vật chứng: đã giải quyết xong tại Bản án số: 24/2021/HS-ST ngày 29/6/2021 và tại phiên tòa không có yêu cầu hay tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không xử lý.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Lê Thành Bắc phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thành B: 01 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 25/7/2022).

- *Án phí hình sự sơ thẩm*: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê Thành B phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- CSĐT CA huyện Tam Nông;
- THA HS CA huyện Tam Nông;
- CC THA DS huyện Tam Nông;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa